

Phật giáo trong đời sống kinh tế - xã hội qua một số tư liệu văn bia chợ

ISSN: 2734-9195 08:45 25/11/2025

Phật giáo không chỉ hiện diện trong không gian tôn giáo mà còn tham gia tích cực vào hoạt động sản xuất, buôn bán và phúc thiện, góp phần hình thành cơ chế kinh tế - xã hội mang tính nhân văn và cộng đồng.

Tác giả: **Th.s Ngô Thị Thanh Tâm**
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Tóm tắt:

Các văn bia chợ xuất hiện khá phổ biến từ thế kỷ XVI-XX, phản ánh không chỉ sự phát triển của kinh tế nông thôn mà còn cho thấy sự thâm nhập sâu rộng của Phật giáo vào đời sống xã hội. Bài viết này khảo cứu nhóm văn bia chợ hiện còn lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, nhằm nhận diện dấu ấn Phật giáo trong ngôn ngữ, biểu tượng, cấu trúc xã hội và tinh thần phúc điền của cộng đồng. Kết quả cho thấy, văn bia chợ là một dạng tư liệu đặc biệt, thể hiện sự “Phật giáo hóa” của các thiết chế kinh tế - xã hội ở làng xã Việt Nam thời Lê - Nguyễn.

Từ khóa: Hán Nôm, Phật giáo, phúc thiện, Tam bảo, văn bia chợ.

Phật giáo Việt Nam không chỉ hiện diện trong chùa chiền, kinh sách hay lễ nghi tôn giáo, mà còn thấm sâu vào sinh hoạt kinh tế - xã hội của cộng đồng làng xã. Trong số các tư liệu Hán Nôm, văn bia chợ là một nguồn sử liệu đặc biệt, bởi nó ghi lại hoạt động tưởng như thuần túy thế tục - buôn bán, dựng chợ, song lại mang đậm tinh thần Phật học và tư tưởng phúc thiện.

Qua tìm hiểu, số lượng văn bia chợ trong kho tư liệu Hán Nôm của Viện Nghiên cứu Hán Nôm không nhiều, có khoảng trên dưới 100 thạc bản văn bia và thư tịch ghi chép lại văn bia có nội dung về chợ[1]. Bia chợ hiện hữu phổ biến từ thế kỷ XVI đến XX, trong đó, giai đoạn Lê Trung Hưng (1533-1789) có số lượng văn bia chợ nhiều nhất, chiếm khoảng 60% trong tổng số văn bia chợ hiện còn[2]. Hệ thống bia chợ phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng Bắc Bộ (Kinh Bắc, Sơn Nam, Hải Dương, Hưng Yên), nơi có mật độ chùa chiền dày đặc. Qua tư liệu văn

bia, tác giả Trịnh Khắc Mạnh đã phân loại chợ truyền thống ở Việt Nam gồm có 2 loại chính, đó là: Thứ nhất, chợ do chính quyền địa phương quản lý và nguồn lợi thu được phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt cộng đồng. Các chợ này thường được lập ở những khu đất thuận tiện về giao thông thủy bộ và thuận đường buôn bán; Thứ 2, chợ do nhà chùa quản lý (dân gian thường gọi là chợ Tam bảo, hay chợ chùa) và nguồn lợi thu được phục vụ cho công việc nhà chùa. Chợ Tam bảo thường lập ở sát cổng chùa, hoặc trên khu đất của chùa[3]. Bài viết tập này trung khảo sát nhóm văn bia chợ do nhà chùa coi quản hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (có khoảng hơn 20 văn bia), nhằm nhận diện dấu ấn Phật giáo trong văn bia chợ; tìm hiểu tư tưởng phúc thiện, cơ chế kinh tế - tôn giáo; và xác định giá trị xã hội và tôn giáo của loại hình tư liệu này.

1. Sự hiện diện của Phật giáo trong văn bia chợ

1.1. Vai trò của giới Tăng - Ni trong việc lập chợ và quản lý chợ

Hầu hết các văn bia chợ thuộc nhóm do nhà chùa quản lý cho thấy, giới Tăng ni không chỉ là biểu tượng tâm linh, mà còn trực tiếp tham gia hưng công dựng chợ, vận động nhân lực và quyền góp công đức. Chẳng hạn như, bia Tạo lập Phạm thị/□□□□ , niên hiệu Chính Hòa thứ 18 (1697), No 11949/11950/11951/11952, ghi nhận các sa môn và tử thiêu thuộc nhiều chùa, xã cùng hiến ruộng và góp sức xây chợ. Sự tham gia này cho thấy mối liên hệ hữu cơ giữa Phật giáo và cộng đồng cư dân, đồng thời phản ánh tính xã hội hóa của Phật giáo Việt Nam thời Lê - Nguyễn:

沙門宗基范舍社福淵村施又田拾尺半比
丘如恒峽山縣義武社沙弥慈事蒲坂
社”。/Nhất hưng công Ngũ Đài sơn Viêm
Minh tự Sa môn Tông Cơ, Phạm Xá xã, Phúc
Nguyên thôn hựu thí điền thập xích bán; Tỷ
khưu⁴ Như Hằng, Hiệp Sơn huyện Nghĩa Vũ
xã; Sa Di từ sự Bồ Ngập xã.



(Hình 1 - Bia Tạo lập Phạm thị, N^o 11949)

Qua đó có thể thấy, trong công trình mang tính kinh tế – phúc lợi như xây dựng chợ, giới tu sĩ và cư sĩ Phật giáo đã đóng vai trò chủ động, vừa góp công đức vật chất, vừa tổ chức vận động nhân lực địa phương. Sự hiện diện của các danh xưng như sa môn, tỳ khưu, sa di cho thấy nhà chùa là trung tâm điều phối nhân sự và tài chính, gắn bó mật thiết với các cộng đồng cư dân xung quanh.

Nguyễn văn:

[illegible]

(...) [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] /Chí tư
bản tổng quan viên thiện sãi trụ trì tiểu tăng Phạm Sách Cử tự Tuệ An, sĩ phủ
Nguyễn Hữu Lâm tự Phúc Công, Trần Công Mỹ tự Đức Năng, Nguyễn Hữu Dung
tự Pháp Ngôn (...) cập sãi vãi thiện nam đẳng thủy lập hưng công cấu tác ngõa
quán ngũ gian nhi hạ sàng hoàn thành tố hảo. Nhân thủ tạo lập thạch bi sự.

(Dịch nghĩa: Đến nay các vị quan viên, thiện sĩ, trụ trì tăng của bản tổng là: Phạm Sách Cử tự là Tuệ An, quan phủ Nguyễn Hữu Lâm tự là Phúc Công, Trần Công Mỹ tự là Đức Năng, Nguyễn Hữu Dung tự là Pháp Ngôn; (...) cùng các vị sĩ vãi, thiện nam mới lập ra việc hưng công đóng góp xây dựng 5 gian nhà ngói, hai nhà sạp hàng, hoàn thành việc tốt đẹp. Nhân đó tạo dựng bia đá ghi chép sự việc).



(Hình 2 - Bia Bản tổng tạo quán lập bi, N°11707)

Từ những cứ liệu này, có thể thấy, giới Tăng - Ni, trong vai trò điều phối nhân lực và tài chính, đã biến hoạt động hưng công tạo chợ thành một hình thức phúc nghiệp cộng đồng, thể hiện rõ tinh thần “hộ quốc, an dân” của Phật giáo nhập thế.

1.2. Ngôn ngữ và biểu tượng Phật giáo trong văn bia chợ

Ngôn ngữ văn bia chợ mang đậm sắc thái Phật học, thể hiện qua các đạo hiệu như Huyền Minh, Pháp Tài, Diệu Hoa, Quang Thái... Câu văn, hình ảnh, ẩn dụ trong bia thường gắn liền với các giá trị nhân quả, phúc thiện, và an lạc. Bài minh trong văn bia Ngâm Điền thị bi/Tam bảo thị/□□□□ /□□□□ , niên hiệu Chính Hòa thứ 12 (1691), kí hiệu No 4510/4511, viết:

tất hữu khánh dư (...).

(Dịch nghĩa: Xét thấy, việc xây dựng quán chợ là để che chắn mưa gió cho dân. Việc dựng nhà bia là để truyền lại nhân đức về sau (...). Mới hay, tích chứa điều thiện ắt có thừa phúc lành).

Tư tưởng “tích thiện tất hữu khánh dư”/〔 〕 xuất phát từ quan niệm nhân quả báo ứng của Phật giáo Đại thừa. Theo đó, việc lập chợ, che mưa tránh nắng cho dân, tạo nơi giao thương mưu sinh, được coi là hành động gieo trồng phúc điền (〔 〕) – ruộng phúc để tích đức cho bản thân và cộng đồng. Tinh thần “vì dân mà tạo phúc” còn được thể hiện rõ trong bài minh của văn bia này:

Nguyên văn: 〔 〕, 〔 〕. 〔 〕, 〔 〕, 〔 〕, 〔 〕 /Thời quang chúc ngọc, nhân tập hàng từ, cơ bội phúc địa, xá lập cự lư, cao phúc thiên cái, hậu tải địa dư.

(Dịch nghĩa: Thời vận sáng tươi như ngọc chiếu, Người người tụ họp thuyền thiện lành, nền móng vun đắp từ đất phúc, vách tranh dựng nên nhà lớn, trời cao che trùm khắp chốn, đất dày rộng chở muôn vật).

Những câu văn này thể hiện trực tiếp tư tưởng từ bi - nhân quả của Phật giáo, trong đó việc dựng chợ không chỉ nhằm lợi ích vật chất mà còn là hành động tu phúc, hành thiện, biểu hiện tinh thần Bồ Tát đạo trong đời sống thế tục. Hành động ấy được xem như một công hạnh “lợi sinh, hóa độ”, góp phần đem lại an cư, thuận hòa cho dân chúng.

Do đó, có thể nói, trong nhận thức của cộng đồng Phật tử thế kỷ XVII, chợ là một loại hình “phúc nghiệp cộng đồng”, nơi hội tụ cả từ bi, trí tuệ và công đức, phản ánh sự thế tục hóa của lý tưởng Bồ Tát hạnh trong môi trường làng xã Đại Việt.

2.2. Chợ trên đất Tam bảo: Mối liên kết giữa tôn giáo và kinh tế

Nhiều văn bia xác nhận chợ được dựng trên đất Tam bảo (〔 〕), thuộc sở hữu của nhà chùa. Điều này cho thấy Phật giáo không chỉ hiện diện như một tôn giáo, mà còn đóng vai trò chủ thể kinh tế, tham gia trực tiếp vào việc quản lý, khai thác và phân phối nguồn lợi cộng đồng. Bia Tái tạo bi ký/〔 〕, niên hiệu Chính Hòa thứ 18 (1697), kí hiệu No 4344/4345/4346, ghi:

(Dịch nghĩa: Đất Phật chùa Môn, thôn Đồng Đường, có một khu lập chợ Tam Bảo, nên dựng bia ghi lại sự việc).

Việc lập chợ trên đất Phật cho thấy chùa chiền giữ vai trò chủ thể kinh tế, vừa quản lý, vừa bảo trợ. Tên gọi như “Tam Bảo thị” (三寶市) phản ánh mối quan hệ hành chính - pháp lý giữa chùa và chợ, trong đó đất chợ là đất Phật, chợ là nguồn phúc điền của nhà chùa. Có thể thấy, chợ trên đất Tam bảo là mô hình kết hợp đặc trưng giữa kinh tế cộng đồng và tôn giáo, trong đó hoạt động buôn bán gắn liền với phúc điền - phúc nghiệp. Đây là minh chứng sinh động cho tính linh hoạt của Phật giáo Việt Nam, khi dung hòa được giữa đời và đạo, giữa phúc thiện và lợi ích thiết thực của dân sinh.

2.3. Cấu trúc xã hội và tinh thần “phúc điền” trong cộng đồng lập chợ

Trong các văn bia, danh sách người công đức kéo dài hàng trăm tên, gồm đủ tầng lớp: quan viên, sinh đồ, trù xã, lão niên, thiện tín, vợ chồng, tăng ni. Bia Tạo lập Phạm thị (三寶市), niên hiệu Chính Hòa thứ 18 (1697), kí hiệu No 11949/11950/11951/11952, ghi nhận hơn 200 người cùng đóng góp tiền, gỗ, ruộng, để kiến tạo và duy trì hoạt động chợ, thể hiện tinh thần cộng đồng và phúc điền/福田 (ruộng phúc), nơi mọi người cùng gieo trồng công đức.

Nhiều văn bia ghi rõ: “Xã chính... đóng góp 1 cây gỗ lim.” ; “Sinh đồ... vợ là... đóng góp 1 quan cổ tiền.” ; “Các vị quan viên trên dưới... tín thí 5 mạch tiền.”. Việc ghi cụ thể “vợ chồng đồng đóng góp” hay “ký gửi giỗ cho cha mẹ” biểu hiện tư tưởng báo hiếu, hồi hướng công đức - giá trị cốt lõi của Phật giáo Đại thừa.

3. Giá trị xã hội - tôn giáo của văn bia chợ

Từ hệ thống tư liệu khảo cứu, có thể nhận diện ba lớp giá trị cơ bản của văn bia chợ: giá trị lịch sử, giá trị xã hội và giá trị tôn giáo. Ba phương diện này đan xen, phản ánh mối quan hệ hữu cơ giữa Phật giáo và đời sống thế tục trong xã hội Việt Nam truyền thống. Cụ thể là:

3.1. Về phương diện lịch sử: Văn bia chợ cung cấp thông tin xác thực về niên đại, địa danh, nhân danh, cơ cấu tổ chức xã - thôn - tổng, góp phần tái hiện mô hình kinh tế nông thôn theo chiều dài lịch sử, đặc biệt là trong giai đoạn Lê Trung Hưng (1533-1789). Do đó, văn bia chợ trở thành một nguồn sử liệu Hán Nôm quý giá để nghiên cứu lịch sử kinh tế và cơ cấu xã hội làng Việt thời Lê - Nguyễn.

3.2. Về phương diện xã hội: Văn bia chợ phản ánh rõ nét cơ chế tự quản và tinh thần cộng đồng của cư dân làng xã. Việc quyên góp công đức, lập quỹ duy trì chợ, ghi tên từng cá nhân, hộ gia đình, và cả những người tu hành cho thấy mô hình liên kết “nhà chùa - quan viên - dân cư” trong không gian kinh tế - phúc lợi, thể hiện quá trình xã hội hóa tôn giáo và thiêng hóa kinh tế trong xã hội Việt Nam truyền thống.

3.3. Về phương diện tôn giáo: Văn bia chợ thể hiện rõ sự “Phật giáo hóa” không gian thế tục: từ ngôn ngữ Phật học (như: Tam bảo, tạo phúc, tích thiện tất hữu khánh dư), biểu tượng đến cơ chế phúc điền. Chợ trở thành “phúc nghiệp cộng đồng”, thể hiện tinh thần nhập thế, từ bi và hộ quốc an dân của Phật giáo Đại thừa. Việc lập chợ trên đất Tam bảo còn cho thấy chùa chiền không chỉ là trung tâm tôn giáo mà còn là chủ thể quản lý và điều tiết lợi ích kinh tế - xã hội, biểu hiện tính nhập thế và bản địa hóa sâu sắc của Phật giáo Việt Nam.

Như vậy, văn bia chợ là loại hình tư liệu giao thoa giữa kinh tế - xã hội - tôn giáo, góp phần khẳng định vai trò của Phật giáo như một nền đạo lý chi phối đời sống cộng đồng. Nó không chỉ minh chứng cho sự gắn kết giữa đạo và đời, mà còn là biểu tượng của quá trình dung hợp giữa phúc thiện, tín ngưỡng và lợi ích dân sinh - một đặc trưng nổi bật của văn hóa làng xã Việt Nam thời Lê-Nguyễn.

Kết luận

Qua khảo cứu các tư liệu văn bia chợ, đặc biệt là nhóm văn bia chợ do nhà chùa tạo dựng và quản lý, có thể thấy, Phật giáo đã thâm nhập sâu vào đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam. Phật giáo không chỉ hiện diện trong không gian tôn giáo mà còn tham gia tích cực vào hoạt động sản xuất, buôn bán và phúc thiện, góp phần hình thành cơ chế kinh tế - xã hội mang tính nhân văn và cộng đồng. Chùa chiền giữ vai trò trung tâm trong mối quan hệ “đạo - đời”, vừa là chủ thể kinh tế, vừa là chủ thể tinh thần. Cơ chế phúc điền, Tam bảo, công đức thể hiện rõ quá trình Phật giáo hóa thiết chế làng xã, đồng thời phản ánh sự bản địa hóa và thế tục hóa của tư tưởng Bồ Tát hạnh trong môi trường Đại Việt.

Văn bia chợ không chỉ là chứng tích lịch sử - kinh tế, mà còn là văn bản Phật học dân gian quý giá, góp phần mở rộng hướng tiếp cận liên ngành giữa Hán Nôm học, Phật giáo học và văn hóa học, khẳng định một Phật giáo Việt Nam “vì dân, gần với dân, và đồng hành cùng dân” suốt nhiều thế kỷ.

Tác giả: **Th.s Ngô Thị Thanh Tâm** - Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Tài liệu trích dẫn Hán Nôm:

1. Bia Tạo lập Phạm thị/□□□□ , kí hiệu No 11949/11950/11951/11952, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
2. Bia Bản tổng tạo quán lập bi/□□□□□□ , kí hiệu No11707/11708, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
3. Bia Ngâm Điền thị bi/Tam bảo thị/□□□□ /□□□□ , kí hiệu No 4510/4511, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
4. Bia Tái tạo bi ký/□ □ □ □ , kí hiệu No 4344/4345/4346, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
5. Bia Tam bảo thị thạch bi/□□□□ , kí hiệu No 12178/12179/12180/12181, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Tài liệu tham khảo:

1. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2006), Thư mục văn bia Hán Nôm Việt Nam, tập 3-5, Nxb. Khoa học Xã hội.
2. Ngô Đức Thọ (2000), Văn bia thời Lê - Nguyễn: Nguồn tư liệu Hán Nôm về làng xã Việt Nam cổ truyền, Nxb. KHXH.
3. Nguyễn Duy Hình (1996), Phật giáo Việt Nam: Sự hình thành và phát triển, Nxb. KHXH.
4. Trịnh Khắc Mạnh (2021), Chợ truyền thống Việt Nam qua tư liệu văn bia, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Tài Thư (chủ biên, 1993), Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Nxb. KHXH.
6. Đỗ Thị Bích Tuyền (2003), Luận văn Thạc sĩ, Nghiên cứu về hệ thống văn bia chợ ở Việt Nam, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chú thích:

- [1] Theo Đỗ Thị Bích Tuyền (2003), Luận văn Thạc sĩ, Nghiên cứu về hệ thống văn bia chợ ở Việt Nam, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Theo Trịnh Khắc Mạnh (2021), Chợ truyền thống Việt Nam qua tư liệu văn bia, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.32.
- [3] Sdd, tr.33-34.
- [4] Tỳ khuư 𡗗 : dịch âm tiếng Phạm, người tu đạo Phật đã chịu đủ 250 giới luật, lần lượt đến các nhà xin ăn, trên cầu tu cho thành Phật, dưới hóa độ chúng sinh.
- [5] Sa môn 𡗗 𡗗 : Sa môn tiếng Phạn gọi là Sramana, âm Hán là Thất La Mạn Noa... cũng còn gọi là Sa Môn Na, Sa Môn Văn, gọi tắt là Sa Môn. Dịch là: Cần Lao, Công Lao... Bần Đạo, Pháp Đạo. Đây là từ ngữ chuyển âm của phương ngôn

Tây Vực, chỉ chung cho những người xuất gia, cạo bỏ râu tóc, ngăn dứt các điều ác, siêng tu các việc thiện, điều phục tâm thân, cầu mong đạt đến Niết Bàn.

[6] Trường An 長安 : nghĩa phiếm chỉ, chỉ vùng kinh sư đông đúc.